TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHI LĂNG** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2020/HS-ST
Ngày 20 - 5 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHI LĂNG, TỈNH LẠNG SƠN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Trương Thị Hương Giang;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Văn Nguyên;

Ông Vi Văn Hợp.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Triệu Thị Phương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa***: Bà Hoàng Thị Loan - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13, 19 và 20 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2020/TLST-HS, ngày 13 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXXST-HS, ngày 11 tháng 02 năm 2020; các Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/HSST-QĐ ngày 24 tháng 02 năm 2020, số: 08/HSST-QĐ ngày 20 tháng 3 năm 2020 và số: 11/HSST-QĐ ngày 22 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị H, sinh ngày 06 tháng 11 năm 1968, tại huyện T, tỉnh Bắc Ninh; quê quán: Thôn N, xã A, huyện T, tỉnh Bắc Ninh; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Khu T1, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm vườn; trình độ văn hóa: 9/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Duy T (đã chết) và bà Nguyễn Thị H1; có chồng: Lô Văn H3 và 02 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự và xử lý vi phạm hành chính; bị cáo bị áp dụng biện pháp đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/8/2019 đến nay; có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Chị Nông Phương B, sinh năm 1979; nơi cư trú: Khu H, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt ngày 13/5/2020; có mặt các ngày 19, 20/5/2020.

2. Chị Vi Thị B1, sinh năm 1974; nơi cư trú: Thôn M, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

3. Chị Vi Thị H2, sinh năm 1990; nơi cư trú: Khu T1, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

4. Chị Hoàng Thị K, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn L, xã M1, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt ngày 13/5/2020; có mặt các ngày 19, 20/5/2020.

5. Chị Chu Thị N, sinh năm 1989; nơi cư trú: Thôn H2, xã M1, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

6. Chị Nguyễn Hồng T2, sinh năm 1986; nơi cư trú: Khu T2, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

7. Chị Lý Thị L, sinh năm 1986; nơi cư trú: Khu T1, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt ngày 13/5/2020; có mặt các ngày 19, 20/5/2020.

8. Chị Lý Thị T3, sinh năm 1984; nơi cư trú: Khu T2, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt ngày 13/5/2020; có mặt các ngày 19, 20/5/2020.

9. Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1977; nơi cư trú: Khu H, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

10. Chị Lô Thị Lệ P, sinh năm 1990; nơi cư trú: Khu T1, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt ngày 13,19/5/2020; vắng mặt ngày 20/5/2020.

12. Ông Nông Văn T4, sinh năm 1950; nơi cư trú: Khu G, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 10 năm 2016 đến tháng 02 năm 2019, Nguyễn Thị H đã cho 18 người gồm: Chị Nông Phương B, chị Vi Thị B1, chị Vi Thị H2, chị Hoàng Thị K, chị Chu Thị N, chị Nguyễn Hồng T2, chị Lý Thị L, chị Lý Thị T3, chị Hoàng Thị Bích H4, chị Trần Thị Thu H5, chị Hoàng Thị P1, chị Hoàng Thu H6, chị Trần Thu H7, chị Đặng Thị Xuân H8, chị Phùng Hương L2, chị Đặng Thị V, chị Trần Thị H9, chị Phương Thị M đều trú tại huyện C vay tiền với lãi suất từ 20% - 25%/ tháng, gấp 12 đến 15 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều

468 Bộ luật Dân sự, với số tiền thu lợi bất chính 262.976.500 (hai trăm sáu mươi hai triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn năm trăm đồng).

Về cách thức cho vay: Người vay tiền đến nhà bị cáo Nguyễn Thị H hỏi vay tiền, hai bên thỏa thuận về mức lãi suất đối với số tiền vay, nếu người vay đồng ý với mức lãi suất do bị cáo Nguyễn Thị H đưa ra thì hai bên sẽ viết nội dung biên nhận vào một quyển sổ ghi chép, bao gồm các nội dung: Thời gian vay; họ tên người vay và người cho vay; số tiền vay; mức lãi suất; thời hạn vay; thời gian trả, sau khi hai bên ký nhận thì Nguyễn Thị H đưa cho người vay số tiền vay và yêu cầu người vay trả ngay tiền lãi 01 tháng đầu tiên, mỗi tháng trả lãi một lần cho đến khi người vay trả hết tiền gốc. Một số trường hợp, Nguyễn Thị H cho vay theo hình thức trả góp như sau: Khi người vay nhận tiền vay và trả lãi, số tiền gốc sẽ được chia theo số ngày vay sau đó, cứ 05 ngày người vay trả tiền một lần cho đến khi trả hết số tiền vay.

Cơ quan điều tra đã làm rõ được Nguyễn Thị H cho 08 trường hợp vay tiền, cụ thể như sau:

Chị Nông Phương B: Từ ngày 07 tháng 11 năm 2017 đến ngày 19 tháng 6 năm 2018 vay tiền của bị cáo 07 lần, với tổng số tiền 94.000.000 đồng, lãi suất 20% đến 25%/ tháng. Chị Nông Phương B đã trả cho bị cáo 63.000.000 đồng tiền gốc và 66.300.000 đồng tiền lãi, còn nợ 31.000.000 đồng tiền gốc. Tiền lãi tính theo quy định đối với số tiền vay trên là 4.512.500 đồng. Số tiền bị cáo thu lợi bất chính: 66.300.000 đồng - 4.512.500 đồng = 61.787.500 đồng.

Chị Vi Thị B1: Từ ngày 23 tháng 10 năm 2017 đến ngày 15 tháng 6 năm 2018 vay tiền của bị cáo 07 lần, với tổng số tiền 95.000.000 đồng, lãi suất 20% đến 30%/ tháng. Chị Vi Thị B1 đã trả cho bị cáo 65.500.000 đồng tiền gốc và 48.100.000 đồng tiền lãi, còn nợ 29.500.000 đồng tiền gốc. Tiền lãi tính theo quy định đối với số tiền vay trên là 3.069.000 đồng. Số tiền bị cáo thu lợi bất chính: 48.100.000 đồng - 3.069.000 đồng = 45.031.000 đồng.

Chị Vi Thị H2: Từ ngày 01 tháng 4 năm 2018 đến ngày 08 tháng 7 năm 2018 vay tiền của bị cáo 03 lần với tổng số tiền 35.000.000 đồng, lãi suất 20% đến 30%/ tháng. Chị Vi Thị H2 đã trả cho bị cáo 15.000.000 đồng tiền gốc và 82.000.000 đồng tiền lãi, còn nợ 20.000.000 đồng tiền gốc. Tiền lãi tính theo quy định đối với số tiền vay trên là 5.302.000 đồng. Số tiền bị cáo thu lợi bất chính: 82.000.000 đồng - 5.302.000 đồng = 76.698.000 đồng.

Chị Hoàng Thị K: Từ ngày 17 tháng 12 năm 2018 đến ngày 11 tháng 3 năm 2019 vay tiền của bị cáo 02 lần với tổng số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 15% đến 30%/ tháng. Chị Hoàng Thị K đã trả cho bị cáo 20.000.000 đồng tiền gốc và 10.500.000 đồng tiền lãi. Tiền lãi tính theo quy định đối với số tiền vay trên là

835.000 đồng. Số tiền bị cáo thu lợi bất chính là 10.500.000 đồng - 835.000 đồng = 9.665.000 đồng.

Chị Chu Thị N: Ngày 22 tháng 11 năm 2018 vay tiền của bị cáo 01 lần với số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 17.5%/ tháng. Chị Chu Thị N đã trả cho bị cáo 20.000.000 đồng tiền gốc và 26.250.000 đồng tiền lãi. Tiền lãi tính theo quy định đối với số tiền vay trên là 2.505.000 đồng. Số tiền bị cáo thu lợi bất chính là 26.250.000 đồng – 2.505.000 đồng = 23.745.000 đồng.

Chị Nguyễn Hồng T2: Từ ngày 02 tháng 7 năm 2018 đến ngày 11 tháng 10 năm 2018 vay tiền 03 lần với tổng số tiền 40.000.000 đồng, lãi suất 20%/ tháng. Chị Nguyễn Hồng T2 đã trả cho bị cáo 40.000.000 đồng tiền gốc và 20.000.000 đồng tiền lãi. Tiền lãi tính theo quy định đối với số tiền vay trên là 1.670.000 đồng. Số tiền bị cáo thu lợi bất chính là 20.000.000 đồng – 1.670.000 đồng = 18.330.000 đồng.

Chị Lý Thị L: Từ ngày 12 tháng 12 năm 2016 đến ngày 28 tháng 9 năm 2017 vay tiền của bị cáo 04 lần với tổng số tiền 35.000.000 đồng, lãi suất 20%/ tháng. Chị Lý Thị L đã trả cho bị cáo 35.000.000 đồng tiền gốc và 16.250.000 đồng tiền lãi. Tiền lãi tính theo quy định đối với số tiền vay trên là 1.361.000 đồng. Số tiền bị cáo thu lợi bất chính là 16.250.000 đồng – 1.361.000 đồng = 14.889.000 đồng.

Chị Lý Thị T3: Từ ngày 10 tháng 3 năm 2017 đến ngày 26 tháng 11 năm 2017 vay tiền của bị cáo 03 lần với tổng số tiền 40.000.000 đồng, lãi suất 20%/ tháng. Chị Lý Thị T3 đã trả cho bị cáo 40.000.000 đồng tiền gốc và 14.000.000 đồng tiền lãi. Tiền lãi tính theo quy định đối với số tiền vay trên là 1.169.000 đồng. Số tiền bị cáo thu lợi bất chính là 14.000.000 đồng - 1.169.000 đồng = 12.831.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền bị cáo Nguyễn Thị H sử dụng cho 08 người vay đã xác định được như nêu ở phần trên là 379.000.000 đồng (ba trăm bẩy mươi chín triệu đồng); người vay đã trả cho bị cáo tiền gốc 298.500.000 đồng (hai trăm chín mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng); hiện còn 03 người vay chưa trả bị cáo số tiền nợ gốc là 80.500.000 đồng (tám mươi triệu năm trăm nghìn đồng). Bị cáo đã thu tiền lãi của các khoản vay trên tổng cộng là 283.400.000 đồng (hai trăm tám mươi ba triệu bốn trăm nghìn đồng), trong đó số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định của pháp luật là 20.423.500 đồng (hai mươi triệu bốn trăm hai mươi ba nghìn năm trăm đồng), sau khi trừ đi số tiền lãi theo quy định, xác định số tiền bị cáo đã thu lợi bất chính là 262.976.500 đồng (hai trăm sáu mươi hai triệu chín trăm bẩy mươi sáu nghìn năm trăm đồng).

Ngoài 08 người vay trên, Nguyễn Thị H còn cho 10 người khác vay tiền gồm: Chị Hoàng Thị Bích H4, chị Trần Thị Thu H5, chị Hoàng Thị P1, chị

Hoàng Thu H6, chị Trần Thu H7, chị Đặng Thị Xuân H8, chị Phùng Hương L2, chị Đặng Thị V, chị Trần Thị H9, chị Phương Thị M. Tuy nhiên, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, triệu tập nhưng những người này không có mặt tại địa phương.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tạm giữ: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nozza, biển kiểm soát 12X1-041.68, đã qua sử dụng cùng giấy đăng ký xe; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát 12K2-1896, đã qua sử dụng cùng giấy đăng ký xe; 01 (một) chìa khóa xe mô tô loại 04 cạnh, đều là phương tiện đi lại của chị Nông Phương B; 01 (một) tờ giấy biên nhận vay tiền giữa Hoàng Thị Bích H4 và Nguyễn Thị H, lập ngày 24/11/2017; 01 (một) quyển sổ bìa màu đen, kích thước 24,5cm x 17,5cm, dày 1,5cm; 01 (một) quyển sổ bìa màu nâu; 01 (một) quyển vở học sinh, bìa màu vàng; 01 (một) quyển vở học sinh, bìa màu hồng; 01 (một) tờ giấy A4, bên trong đều ghi chép liên quan đến việc cho vay, mượn tiền của Nguyễn Thị H.

Sau khi xác minh, xác định 02 (hai) chiếc xe mô tô trên là của gia đình chị Nông Phương B, do chị B chưa có tiền trả nợ cho bị cáo nên hai bên đã thỏa thuận bị cáo giữ xe để đảm bảo việc trả nợ tiền, việc giữ xe trên bị cáo không đe dọa, không uy hiếp tinh thần và không có mục đích chiếm đoạt nên không có căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi này. Ngày 01/02/2019 Công an huyện Chi Lăng tiến hành trả lại 02 (hai) chiếc xe mô tô cho gia đình chị Nông Phương B.

Tại giai đoạn điều tra, xét xử bị cáo Nguyễn Thị H giao nộp 02 lần tiền liên quan đến hoạt động cho vay lãi nặng với tổng số tiền 140.000.000 đồng (một trăm bốn mươi triệu đồng).

Cáo trạng số: 15/CT-VKSCL ngày 12 tháng 01 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị H về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo khoản 2 Điều 201 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và trình bày do không hiểu biết về pháp luật nên đã thực hiện hành vi cho vay lãi nặng, bị cáo rất ân hận về việc làm của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét để được hưởng sự khoan hồng của pháp luật. Đối với số tiền gốc của ba người gồm chị Nông Phương B, chị Vi Thị B1, chị Vi Thị H2 chưa trả cho bị cáo, theo quy định của pháp luật sẽ phải tịch thu của ba chị để nộp ngân sách nhà nước thì bị cáo xin tự nguyện nộp toàn bộ số tiền đó. Đối với số tiền thu lợi bất chính đã xác định được, giữa bị cáo và những người liên quan đến việc cho vay lãi nặng đã tự thỏa thuận với nhau và họ cũng không yêu cầu gì nên không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết. Đối với số tiền gốc những người vay đã trả

cho bị cáo và tiền lãi được tính theo quy định bị cáo đã cố gắng khắc phục nộp được 140.000.000 đồng, số tiền còn lại bị cáo sẽ tiếp tục nộp để sung công quỹ Nhà nước theo quy định. Đối với việc bị cáo tạm giữ hai chiếc xe mô tô của chị Nông Phương B là trên cơ sở đồng ý của chị B để đảm bảo việc trả nợ, bị cáo không có mục đích chiếm đoạt và đã giao nộp tại Cơ quan điều tra để trả lại cho bị cáo. Đối với chị Lô Thị Lệ P là con gái của bị cáo, có hai lần bị cáo nhờ chị P cho chị Trần Thị H9, trú tại: Khu C, thị trấn Đ, huyện C vay tiền, mỗi lần là 10.000.000 đồng tiền gốc, chị P chỉ hộ bị cáo đưa tiền cho chị H9, còn viết nội dung vay nợ do chị Trần Thị H9 viết trong quyển sổ, việc thỏa thuận vay, lãi suất và thu tiền lãi do bị cáo thực hiện, chị Lô Thị Lệ P hoàn toàn không biết. Đối với chiếc điện thoại di động, bị cáo sử dụng để liên lạc liên quan đến việc cho vay tiền đã bị hỏng nên không giao nộp được cho Cơ quan điều tra.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Lô Thị Lệ P khai: Chị là con của bị cáo Nguyễn Thị H, việc chị hộ bị cáo đưa tiền cho chị Trần Thị H9 vay tiền là đúng nhưng việc thỏa thuận cho vay lãi nặng chị không biết và cũng không góp tiền cho bị cáo để cho người khác vay tiền, không được hưởng lợi gì từ việc cho vay lãi nặng của bị cáo.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Nông Phương B, chị Vi Thị H2, chị Hoàng Thị K, chị Nguyễn Hồng T2, chị Lý Thị L, chị Lý Thị T3 khai: Do thiếu tiền vốn trong quá trình làm ăn nên các chị đã đến hỏi vay tiền của bị cáo Nguyễn Thị H như kết quả điều tra đã được làm rõ tại phiên tòa về số tiền vay, mức lãi suất, cách thức vay, cách thức trả nợ là đúng. Việc vay tiền, thỏa thuận các nội dụng, trong đó thỏa thuận mức lãi suất cao, trái pháp luật là do hai bên tự nguyện, không bị ép buộc, lý do biết lãi suất cao nhưng các chị vẫn đồng ý vay là vì vay tại các Ngân hàng khó khăn, mất thời gian, thủ tục rườm rà và không vay được tiền của ai trong khi đang rất cần tiền nên đồng ý chấp nhận mức lãi suất của bị cáo đưa ra. Đối với số tiền thu lợi bất chính đã xác định được từ việc bị cáo cho các chị vay tiền với mức lãi suất cao, các chị không có yêu cầu gì với bị cáo. Ngoài ra, chị Nông Phương B, chị Vi Thị H2 đồng ý với việc bị cáo sẽ nộp số tiền gốc mà các chị chưa trả nợ được cho bị cáo để sung công quỹ Nhà nước. Chị Nông Phương B xác định việc giao hai chiếc xe mô tô cho bị cáo giữ để đảm bảo việc trả nợ trên cơ sở được sự đồng ý của chị là đúng như lời khai của bị cáo đã trình bầy tại phiên tòa, sự việc này chị không bị đe dọa, bị ép buộc để giao xe cho bị cáo. Chị Lý Thị T3 khai ngoài ba lần chị vay tiền của bị cáo như đã xác định được thì còn có hai lần chị vay của bị cáo vào ngày 23/9/2016, vay 40.000.000 đồng và ngày 17/8/2019 vay 30.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 8%/ tháng, số tiền này chị đã trả hết gốc và lãi suất theo thỏa thuận cho bị cáo trong thời gian 01 tháng, chị không có yêu

cầu gì về hai lần vay này. Đối với số tiền gốc vay đã trả được cho bị cáo, lãi suất cho phép theo quy định và số tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng, các chị Nông Phương B, chị Vi Thị H2, chị Hoàng Thị K, chị Nguyễn Hồng T2, chị Lý Thị L, chị Lý Thị T3 không có yêu cầu gì.

Chị Vi Thị B1, chị Chu Thị N vắng mặt tại phiên tòa, nhưng lời khai tại Cơ quan điều tra đã thể hiện việc vay tiền với bị cáo Nguyễn Thị H và việc tự thỏa thuận lãi nặng là đúng, các chị không có yêu cầu gì.

Anh Nguyễn Văn D, ông Nông Văn T4 vắng mặt tại phiên tòa nhưng lời khai tại Cơ quan điều tra đã thể hiện: Cả hai đều không biết việc chị Nông Phương B vay tiền của bị cáo Nguyễn Thị H do không trả được, nên bị cáo H đã giữ 02 chiếc xe của anh D và ông T4 để đảm bảo việc trả nợ tiền. Ông Nông Văn T4, anh Nguyễn Văn D đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên Cáo trạng truy tố và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, đồng thời đánh giá động cơ, mục đích, tác hại của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, đánh giá về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Về hình phạt: Áp dụng khoản 2 Điều 201; các điểm i, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 38, 50 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H từ 06 đến 09 tháng tù. Hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng.

Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số gốc bị cáo đã thu được từ những người vay 298.500.000 đồng (hai trăm chín mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng) và số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định của pháp luật là 20.423.500 đồng (hai mươi triệu bốn trăm hai mươi ba nghìn năm trăm đồng). Đối với số tiền nợ gốc của 03 người vay chưa trả bị cáo là 80.500.000 đồng (tám mươi triệu năm trăm nghìn đồng), buộc bị cáo nộp vào ngân sách nhà nước thay cho các chị Nông Phương B, Vi Thị B1, Vi Thị H2 vì đây là sự tự nguyện của bị cáo. Trừ đi số tiền bị cáo đã nộp là 140.000.000 đồng, bị cáo còn phải nộp tiếp số tiền còn lại.

Đối với số tiền 262.976.500 đồng là số tiền bị cáo thu lợi bất chính, do bị cáo và những người liên quan tự thỏa thuận nên không đề nghị xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng: 01 (một) tờ giấy biên nhận vay tiền giữa Hoàng Thị Bích H4 và Nguyễn Thị H, lập ngày 24/11/2017; 01 (một) quyển sổ bìa màu đen, kích thước 24,5cm x 17,5cm, dày 1,5cm; 01 (một) quyển sổ bìa màu nâu; 01 (một) quyển vở học sinh, bìa màu vàng; 01 (một) quyển vở học sinh, bìa màu hồng; 01 (một) tờ giấy A4 là những tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án nên tiếp tục lưu giữ cùng hồ sơ vụ án.

Phần tranh luận: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án này đều hợp pháp.

[2] Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Vi Thị B1, chị Chu Thị N, anh Nguyễn Văn D, ông Nông Văn T4 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến phiên tòa; tuy nhiên họ đã có đầy đủ lời khai tại cơ quan điều tra, sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến quá trình xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Từ tháng 12 năm 2016 đến tháng 02 năm 2019 tại nhà riêng ở khu T1, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Nguyễn Thị H đã cho 08 người vay tiền nhiều lần với tổng số tiền 379.000.000 đồng (ba trăm bầy mươi chín triệu đồng), mức lãi suất từ 15% đến 30%/01 tháng, tương đương với lãi suất 180% đến 360%/01 năm của mỗi khoản tiền vay, thu lợi bất chính tổng số tiền là 262.976.500 đồng (hai trăm sáu mươi hai triệu chín trăm bẩy mươi sáu nghìn năm trăm đồng). Như vậy đã có đủ cơ sở để kết luật bị cáo phạm tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

[4] Cáo trạng số: 15/CT-VKSCL, ngày 12 tháng 01 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị

H phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị H là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm lĩnh vực ngân hàng được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh, trật tự của địa phương, gây bất bình trong dư luận xã hội. Hành vi phạm tội của bị cáo diễn ra tại thời điểm loại tội phạm và vi phạm pháp luật liên quan đến tín dụng đen có chiều hướng tăng đột biến, đã gián tiếp gây ra các tội phạm khác. Việc xử lý hành vi phạm tội của bị cáo khi cả nước đang triển khai thực hiện Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 25 tháng 4 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường phòng ngừa đấu tranh với tội phạm và vi phạm pháp luật liên quan đến hoạt động tín dụng đen. Do vậy cần xử phạt nghiêm minh, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện.

[6] Về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng: Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có bố đẻ là ông Nguyễn Duy T là Liệt sỹ, được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Ba nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm i, x, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo đã tìm cách tự nguyện sửa chữa, khắc phục một phần hậu quả là 140.000.000 đồng, tuy nhiên số tiền này chưa đủ 1/2 mức bị cáo phải nộp sung công quỹ Nhà nước để khắc phục hậu quả nên bị cáo chỉ được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khooản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do trong những lần phạm tội, chỉ một lần xác định số tiền thu lợi bất chính là 30.329.000 đồng nên bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[7] Từ những nhận định trên xét thấy, bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng nhưng đối với tội phạm về cho vay lãi nặng để lại hậu quả nghiêm trọng cho xã hội, xâm phạm đến lĩnh vực ngân hàng về mức lãi suất được pháp luật bảo vệ, điều đó ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân những người vay tiền nên cần quyết định hình phạt là tù có thời hạn để bị cáo được giáo dục, cải tạo thành người có ích cho xã hội, đồng thời răn đe đối với những người có hành vi tương tự và phòng ngừa chung. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo vì bị cáo không có nghề nghiệp ổn định và phải khắc phục hậu quả về những số tiền liên quan đến hành vi phạm tội nên không có khả năng thi hành án.

[8] Về biện pháp tư pháp: Đối với số tiền gốc bị cáo đã thu được từ những người vay 298.500.000 đồng (hai trăm chín mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng) và số tiền lãi theo quy định của pháp luật là 20.423.500 đồng (hai mươi triệu bốn trăm hai mươi ba nghìn năm trăm đồng) là phương tiện phạm tội, khoản tiền phát sinh từ tội phạm nên bị tịch thu sung quỹ Nhà nước. Đối với số tiền nợ gốc của 03 người vay chưa trả bị cáo là 80.500.000 đồng (tám mươi triệu năm trăm nghìn đồng), bị cáo tự nguyện nộp sung công quỹ nhà nước hộ các chị Nông Phương B, Vi Thị B1, Vi Thị H2 cần chấp nhận vì việc thỏa thuận này không trái pháp luật. Như vậy, tổng số tiền cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước đối với bị cáo là 399.423.500 đồng (ba trăm chín mươi chín triệu bốn trăm hai mươi ba nghìn năm trăm đồng). Bị cáo được trừ số tiền đã nộp 140.000.000 đồng, số tiền còn lại phải nộp là 259.423.500 đồng (hai trăm năm mươi chín triệu bốn trăm hai mươi ba nghìn năm trăm đồng). Đối với số tiền thu lợi bất chính là 262.976.500 đồng (hai trăm sáu mươi hai triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn năm trăm đồng) không xác định được những người vay đã sử dụng vào mục đích bất chính nên không tịch thu sung công quỹ Nhà nước, đồng thời do bị cáo và những người vay xác định họ đã tự nguyện giao dịch dân sự trái pháp luật, có một phần lỗi của những người vay tiền trong việc xảy ra tội phạm nên không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

[9] Về vật chứng: Đối với 01 (một) tờ giấy biên nhận vay tiền giữa Hoàng Thị Bích H4 và Nguyễn Thị H, lập ngày 24 tháng 11 năm 2017; 01 (một) quyển sổ bìa màu đen, kích thước 24,5cm x 17,5cm, dày 1,5cm; 01 (một) quyển sổ bìa màu nâu; 01 (một) quyển vở học sinh, bìa màu vàng; 01 (một) quyển vở học sinh, bìa màu hồng; 01 (một) tờ giấy A4 là những tài liệu giấy tờ mà bị cáo dùng để ghi các giao dịch thực hiện việc cho vay với lãi suất cao là tài liệu, chứng cứ để chứng minh tội phạm nên cần lưu cùng hồ sơ vụ án. Xác nhận Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Nông Phương B 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nozza, biển kiểm soát 12X1-041.68, đã qua sử dụng cùng giấy đăng ký xe; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát 12K2-1896, đã qua sử dụng cùng giấy đăng ký xe; 01 (một) chìa khóa xe mô tô loại 04 cạnh.

[10] Đối với 02 (hai) chiếc xe mô tô bị cáo giữ và đã trả lại cho chị Nông Phương B, đã xác định được do chị B chưa có tiền trả nợ cho bị cáo nên hai bên đã thỏa thuận cho bị cáo giữ xe để đảm bảo việc trả nợ tiền, việc giữ xe trên bị cáo không đe dọa, không uy hiếp tinh thần và không có mục đích chiếm đoạt nên không có căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi này.

[11] Ngoài 08 người vay tiền đã xác định được, Nguyễn Thị H còn cho 10 người khác vay tiền, với số tiền cho vay là 660.000.000 đồng. Tuy nhiên, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, triệu tập nhưng những người này thì một số

người không có mặt tại địa phương, một số người do không ghi thông tin đầy đủ trong giấy tờ vay, một số người không hợp tác với Cơ quan điều tra để khai báo do đó chưa đủ căn cứ để kết luận về việc cho vay tiền của bị cáo đối với những người này. Đề nghị Cơ quan điều tra Công an huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn tiếp tục điều tra xác minh để xử lý theo quy định.

[12] Đối với chị Lô Thị Lệ P là con của bị cáo Nguyễn Thị H đã hai lần đưa tiền cho chị Trần Thị H9 vay tiền, được ghi trong cuốn sổ thu giữ của bị cáo. Nội dung này đã xác định được việc cho vay này là do bị cáo và chị Trần Thị H9 thỏa thuận, chi Lô Thị Lệ P chỉ hộ đưa tiền, không biết và cũng không góp tiền cho bị cáo, không được hưởng lợi gì từ việc cho vay lãi nặng của bị cáo. Mặt khác, chị Trần Thị H9 đã được Cơ quan điều tra xác minh không có mặt tại địa phương nên chưa đủ cơ sở để xem xét trách nhiệm hình sự đối với chị Lô Thị Lệ Phương.

[13] Đối với chị Lý Thị T3 vay tiền bị cáo hai lần vào ngày 23/9/2016, vay 40.000.000 đồng và ngày 17/8/2016 vay 30.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 8%/ tháng, tương đương 96%/năm, khoản vay là có thật nhưng Cơ quan điều tra đã xác mình làm rõ các khoản vay này lãi suất chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên không xem xét là có căn cứ.

[14] Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa đề nghị về tội danh, về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị H và về các biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[15] Về án phí: Do bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm i, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 38, 50; điểm a, b khoản 1, khoản 3 Điều 47; của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 06 (sáu) tháng tù; thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

3. Biện pháp tư pháp:

Tịch thu của bị cáo Nguyễn Thị H số tiền 399.423.500 đồng (ba trăm chín mươi chín triệu bốn trăm hai mươi ba nghìn năm trăm đồng) để sung công quỹ Nhà nước. Xác nhận bị cáo đã nộp 140.000.000 đồng (đang gửi giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn). Bị cáo còn lại phải nộp số tiền 259.423.500 đồng (hai trăm năm mươi chín triệu bốn trăm hai mươi ba nghìn năm trăm đồng).

4. Xử lý vật chứng:

Lưu kèm hồ sơ vụ án gồm: 01 (một) tờ giấy biên nhận vay tiền giữa Hoàng Thị Bích H4 và Nguyễn Thị H, lập ngày 24 tháng 11 năm 2017; 01 (một) quyển sổ bìa màu đen, kích thước 24,5cm x 17,5cm, dày 1,5cm; 01 (một) quyển sổ bìa màu nâu; 01 (một) quyển vở học sinh, bìa màu vàng; 01 (một) quyển vở học sinh, bìa màu hồng; 01 (một) tờ giấy A4.

5. Án phí: Bị cáo Nguyễn Thị H phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm hình sự để nộp ngân sách nhà nước.

Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn;
- Cơ quan Thi hành án Hình sự Công an huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo; người có QL,NVLQ đến vụ án;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Hương Giang

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN		THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Hoàng Văn Nguyên	**Vi Văn Hợp**	**Trương Thị Hương Giang**